



CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

Đâu là Loại hình Phù hợp nhất
với Doanh nghiệp của Bạn?

CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP **Ở VIỆT NAM**

Đâu là Loại hình Phù hợp nhất
với Doanh nghiệp của Bạn?

(Tài liệu Tham khảo)

Lời mở đầu



Với sự ra đời của Luật Doanh nghiệp vào năm 1999, số lượng doanh nghiệp đăng ký chính thức đã tăng lên nhanh chóng với hơn 250.000 doanh nghiệp được đăng ký mới trong vòng 8 năm vừa qua. Mục tiêu đạt được 500.000 doanh nghiệp đăng ký chính thức vào năm 2010 là hoàn toàn có tính khả thi cao. Với số lượng doanh nghiệp được đăng ký tăng nhanh trong nhiều năm, việc tư vấn về việc chuyển đổi từ các hộ đăng ký kinh doanh sang doanh nghiệp đăng ký chính thức theo Luật Doanh nghiệp, hoặc về việc lựa chọn loại hình pháp lý nào phù hợp nhất với một doanh nghiệp đã trở thành một nhu cầu thực sự lớn. Đây cũng là một trong những câu hỏi mà những người có ý định đăng ký kinh doanh và thành lập doanh nghiệp thường đưa ra nhất trước khi quyết định thành lập doanh nghiệp.

Tài liệu này được xây dựng dưới dạng một tài liệu tham khảo nhằm giới thiệu tổng quan về các loại hình doanh nghiệp hiện có tại Việt Nam, đồng thời phân tích tổng thể những điểm lợi và bất lợi giữa loại hình hộ đăng ký kinh doanh và các loại hình doanh nghiệp khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, cũng như phân tích những điểm khác biệt giữa các loại hình doanh nghiệp khác nhau. Tài liệu này có thể được sử dụng bởi các cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và cấp huyện, bởi các công ty luật, công ty tư vấn và các tổ chức có liên quan nhằm phổ biến kiến thức, đồng thời nhằm tư vấn chính xác hơn cho các doanh nghiệp khi lựa chọn loại hình doanh nghiệp sẽ được đăng ký.

Tài liệu này được biên soạn bởi Ông Nguyễn Đình Cung, Ông Phan Đức Hiếu (CIEM) và các chuyên gia của Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức (GTZ). Nhóm biên soạn xin trân trọng cảm ơn các ý kiến đóng góp, sự hỗ trợ kỹ thuật của Tiến sĩ Đinh Văn Ân, Viện trưởng Viện quản lý kinh tế Trung ương và Ông Lê Duy Bình (GTZ).

Cuốn tài liệu này được biên soạn cho mục đích tham khảo. Các quan điểm thể hiện trong tài liệu là của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của CIEM hay GTZ.

Từ viết tắt

CIEM	Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương
GTZ	Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
DNTN	Doanh nghiệp tư nhân
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
TV	Thành viên
GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
GTGT	Giá trị gia tăng
VND	Đồng Việt nam

Mục lục



PHẦN 1: KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP	5
I. Các khái niệm	5
II. Đặc điểm các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam	9
1. Hộ kinh doanh cá thể	9
2. Doanh nghiệp tư nhân	9
3. Công ty hợp danh	10
4. Công ty trách nhiệm hữu hạn	12
5. Công ty cổ phần	13
PHẦN 2: LỰA CHỌN LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP	14
1. Quyền kinh doanh	14
2. Góp vốn, thành lập doanh nghiệp	15
a) Đối tượng thành lập	15
b) Góp vốn thành lập doanh nghiệp	16
c) Hồ sơ, trình tự, thủ tục thành lập	17
3. Tổ chức quản lý	18
4. Chế độ trách nhiệm của nhà đầu tư	20
5. Khả năng rút vốn và chuyển nhượng cổ phần, phần góp vốn	22
6. Huy động vốn	24
7. Nghĩa vụ thuế	25
8. Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp	26
9. Thời hạn hoạt động của doanh nghiệp và việc giải thể, phá sản doanh nghiệp.	27
PHẦN 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KHUYẾN NGHỊ	29

Phần 1



KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

I. Các khái niệm

Chúng ta đã quen thuộc với các khái niệm “doanh nghiệp”, “công ty trách nhiệm hữu hạn”, “công ty cổ phần”, “doanh nghiệp tư nhân”, v.v....; bởi vì, hàng ngày, hàng giờ chúng ta đang sử dụng các sản phẩm và dịch vụ do họ cung cấp. Tuy nhiên, có lẽ không phải bất kỳ ai đều có thể biết được bản chất, nội dung của các khái niệm nói trên. Hàng loạt các câu hỏi có thể xuất hiện như: công ty khác gì so với doanh nghiệp? vì sao lại xuất hiện công ty? tại sao lại tồn tại nhiều hình thức doanh nghiệp như vậy?... Nội dung phần này sẽ cố gắng làm rõ trả lời vấn đề một số các câu hỏi nói trên

1. Công ty hay doanh nghiệp

Doanh nghiệp là khái niệm chung nhất để chỉ các loại hình doanh nghiệp, trong đó công ty là một loại hình doanh nghiệp. Luật doanh nghiệp hiện hành ở nước ta quy định năm loại hình doanh nghiệp, bao gồm: (i) hộ kinh doanh, (ii) doanh nghiệp tư nhân, (iii) công ty hợp danh, (iv) công ty trách nhiệm hữu hạn (gồm công ty TNHH 1 thành viên và công ty TNHH 2 thành viên trở lên), và (v) công ty cổ phần.¹

Công ty là một loại hình doanh nghiệp với 5 đặc điểm cơ bản: (i) là pháp nhân, (ii) tách biệt và là chủ thể pháp lý độc lập với chủ sở hữu, (iii) trách nhiệm hữu hạn của chủ sở hữu công ty, (iv) cổ phần hay phần vốn góp là chuyển nhượng được, và (v) quản lý tập trung và thống nhất. Với đặc điểm nói trên, thì trong số 5 loại hình doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, chỉ có công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần được coi là “công ty”; còn hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh là các loại hình doanh nghiệp khác, không phải là công ty.

2. Vì sao lại xuất hiện công ty

Trên thế giới, so với các loại hình doanh nghiệp khác, thì công ty xuất hiện muộn hơn, vào khoảng giữa thế kỷ 19. Trước đó, các hoạt động kinh doanh thực hiện dưới hình thức hợp danh hoặc

1. Ngoài ra, ở Việt Nam còn một số loại hình doanh nghiệp khác, như: hợp tác xã, công ty bảo hiểm,... được quy định theo các luật khác.

doanh nghiệp tư nhân². Có rất nhiều lý thuyết lý giải cho sự xuất hiện của công ty. Tuy nhiên, dưới góc độ kinh tế và luật pháp, có quan điểm chung cho rằng công ty xuất hiện bởi vì đó chính là “công cụ” giúp các nhà đầu tư giảm thiểu được rủi ro và chi phí giao dịch trong thực hiện hoạt động kinh doanh. Ngày nay, công ty đã trở thành loại hình doanh nghiệp phổ biến và được ưa chuộng nhất trong hầu hết các quốc gia trên thế giới.³

Ở Việt Nam⁴, trước năm 1990, chỉ có doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Sau đó, khi có Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp Tư nhân (1990) có hiệu lực, doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH và công ty cổ phần mới bắt đầu xuất hiện. Khác với nhiều nước khác trên thế giới, công ty hợp danh ở Việt Nam, xuất hiện sau nhất (từ năm 2000 khi Luật Doanh nghiệp có hiệu lực thay thế Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp Tư nhân), và cũng là loại hình doanh nghiệp ít phổ biến nhất.

3. Tại sao doanh nghiệp lại tồn tại dưới nhiều hình thức

Doanh nghiệp là công cụ để kinh doanh. Để không ngừng tạo thuận lợi và thúc đẩy sáng tạo trong kinh doanh, các nhà lập pháp đã luôn nỗ lực “phát minh” ra các loại loại hình doanh nghiệp mới; làm cho chúng trở nên nhiều về số lượng và đa dạng hơn về chủng loại giúp các nhà đầu tư luôn có được sự lựa chọn phù hợp nhất đối với hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của họ. Mục tiêu cuối cùng là giảm rủi ro, chi phí, tăng mức độ an tâm, an toàn cho những người bỏ vốn kinh doanh; và đó chính là một trong các yếu tố không thể thiếu được để một quốc gia phát triển, trở nên giàu có và thịnh vượng. Ở các nước khác nhau, các loại hình doanh nghiệp có thể không giống nhau về số lượng, chủng loại và các số đặc điểm cụ thể của chúng. Ví dụ, Ở Hoa Kỳ, công ty hợp danh ít nhất có ba loại (i) công ty hợp danh thường, (ii) công ty hợp danh hữu hạn, và (iii) công ty hợp danh trách nhiệm hữu hạn. Công ty hợp danh trách nhiệm hữu hạn và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là những loại hình doanh nghiệp mới xuất hiện trong những năm gần đây; là kết quả của quá trình sáng tạo không ngừng để “phát minh” ra các loại hình doanh nghiệp mới như đã nói trên.

4. Bản chất của công ty

Như trên đã nói, công ty là một loại hình doanh nghiệp xuất hiện vào khoảng giữa thế kỷ 19 ở Châu Âu. Công ty được coi là một chủ thể pháp lý, là “người” do pháp luật tạo ra. Luật pháp đã trao cho công ty “quyền năng” giống như một cá nhân thực hiện các công việc kinh doanh cho chính mình⁵. Điều này có nghĩa là, nếu một nhóm có x người, cùng góp vốn thành lập công ty, thì kết quả sẽ tạo ra “người” thứ (x + 1); người đó chính là công ty có các quyền năng tương tự

2. Tiếng Anh là partnership và sole proprietorship. Dịch ra tiếng Việt tương đương là “công ty hợp danh” và “doanh nghiệp tư nhân”

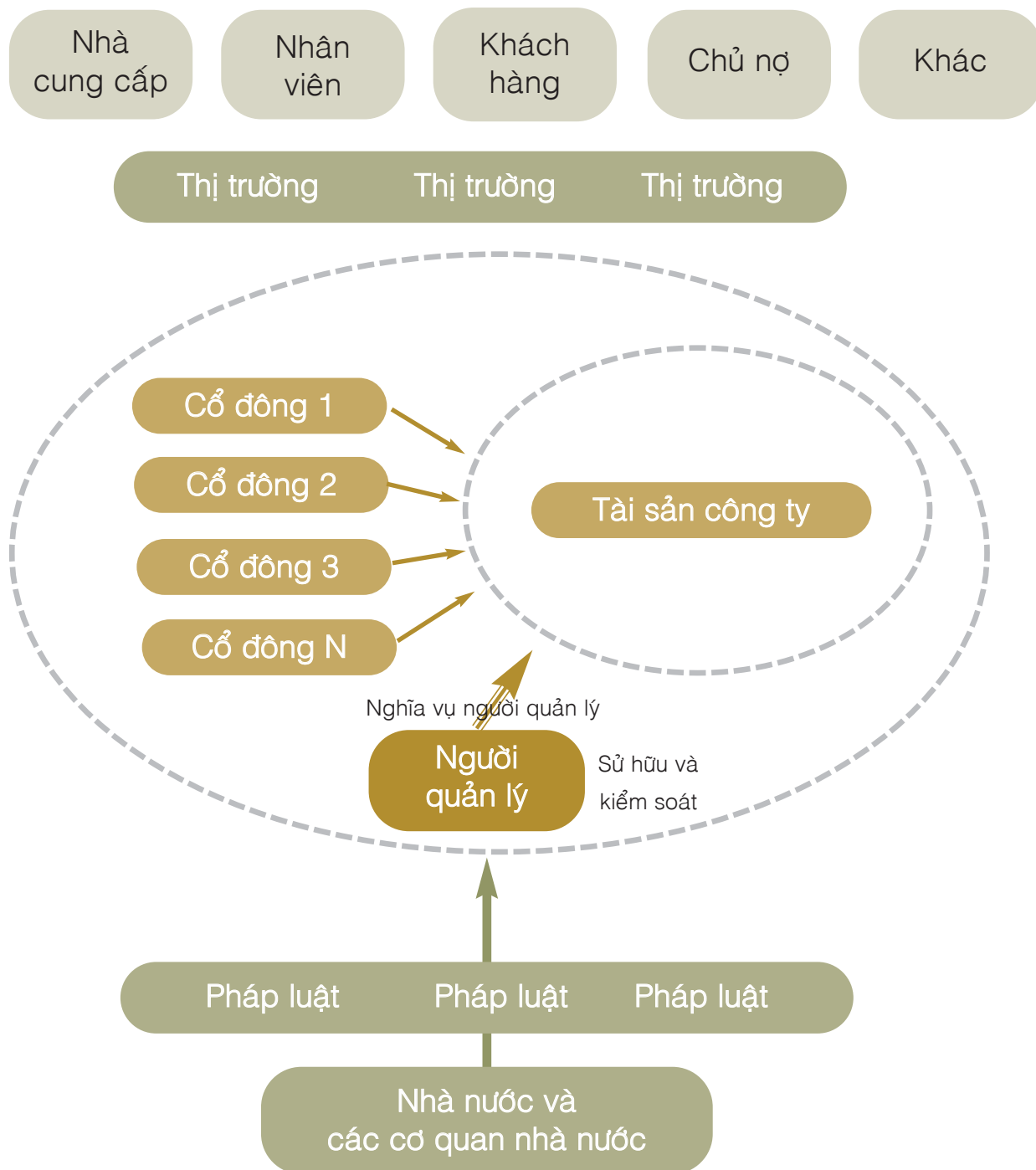
3. Bainbridge, Stephen M. (2002), trang 2. Theo thống kê ở Mỹ vào khoảng năm 2000, thì số lượng công ty ở Mỹ vào khoảng 4,6 triệu, chiếm khoảng 1/5 tổng số các loại hình doanh nghiệp nhưng tạo ra 90% tổng doanh thu của các loại hình doanh nghiệp.

4. Chỉ tính từ giai đoạn 1975 đến nay.

5. Tiếng Anh thường dùng cụm từ “legal entity” hoặc “legal person” để phân biệt với con người, là “natural person” hoặc “individual”.

như những người khác, kể cả quyền sở hữu tài sản thực. Sau đó, những người bên ngoài có thể thiết lập quan hệ hợp đồng với công ty một cách hoàn toàn độc lập với chính những người đã góp vốn thành lập nên công ty đó; và theo cách giống như họ thiết lập hợp đồng với cá nhân (xem sơ đồ).

HÌNH 1 - Sơ đồ về thể hiện bản chất công ty



II. Đặc điểm các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam

Thành lập và tổ chức quản lý các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam được quy định chủ yếu tại Luật Doanh nghiệp⁶ và các văn bản hướng dẫn thi hành. Theo quy định này, thì ở Việt Nam có các loại hình doanh nghiệp sau để các nhà đầu tư lựa chọn khi kinh doanh:

- (i) Hộ kinh doanh.⁷
- (ii) Doanh nghiệp tư nhân.
- (iii) Công ty hợp danh.
- (iv) Công ty TNHH
- (v) Công ty cổ phần

Luật Doanh nghiệp điều chỉnh trực tiếp việc thành lập và tổ chức quản lý của 4 loại hình doanh nghiệp là doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty TNHH và công ty cổ phần; còn việc thành lập và tổ chức quản lý hộ kinh doanh cá thể được quy định tại Nghị định 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 về đăng ký kinh doanh.

1. Hộ kinh doanh cá thể

Hộ kinh doanh cá thể là loại hình doanh nghiệp có các đặc điểm sau:

- Do một cá nhân, một nhóm người hoặc một hộ gia đình làm chủ sở hữu.
- Chủ sở hữu chịu trách nhiệm vô hạn bằng toàn bộ tài sản của mình đối với khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của hộ kinh doanh cá thể.
- Hộ kinh doanh không có tư cách pháp nhân và con dấu.
- Hộ kinh doanh không được sử dụng thường xuyên quá 10 lao động.

2. Doanh nghiệp tư nhân

Doanh nghiệp tư nhân là một loại hình doanh nghiệp được điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp và các quy định hướng dẫn thi hành. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp tư nhân có các đặc điểm sau:

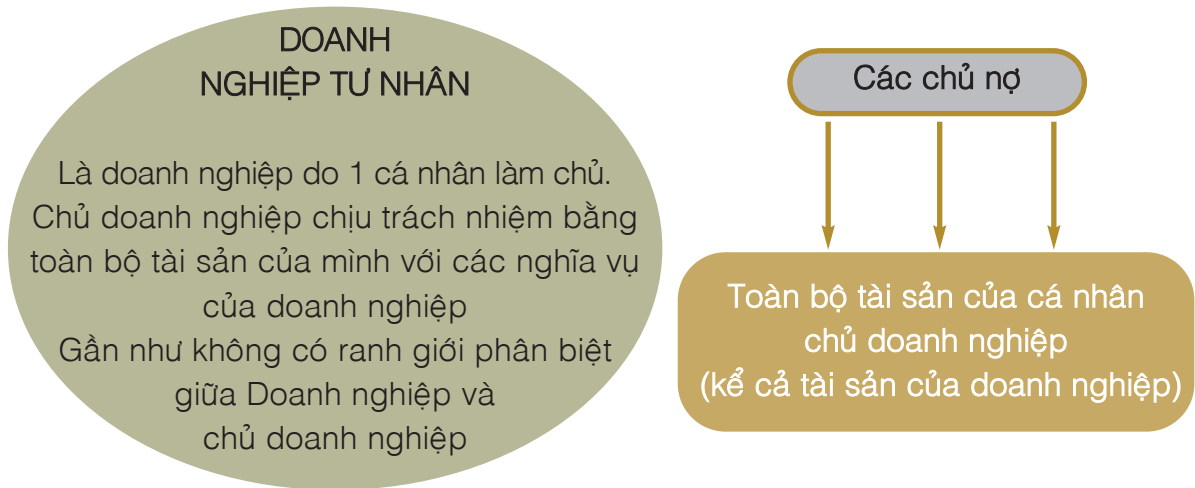
- Là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ sở hữu; và cá nhân chủ sở hữu đó chỉ được làm chủ sở hữu một DNTN; không được đồng thời là chủ sở hữu của DNTN khác hoặc chủ sở hữu hộ kinh doanh và thành viên hợp danh công ty hợp danh.
- Cá nhân chủ sở hữu tự quyết định cơ cấu tổ chức và thường trực tiếp quản lý, thực hiện các hoạt động kinh doanh; và là người đại diện theo luật của doanh nghiệp;
- Cá nhân chủ sở hữu chịu trách nhiệm vô hạn bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Doanh nghiệp tư nhân không có tư cách pháp nhân.

⁶. Luật số 60/2005/QH11 ngày 29-11-2005 có hiệu lực từ ngày 1-7-2006.

⁷. Trước đây "hộ kinh doanh" thường được gọi là "hộ kinh doanh cá thể".



HÌNH 2 - Doanh nghiệp tư nhân



Như vậy, có thể nói, hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân về bản chất là giống nhau; và đặc trưng cơ bản của chúng là về pháp lý không có sự phân biệt rõ ràng về quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu doanh nghiệp và doanh nghiệp. Trong mọi trường hợp, thì chủ doanh nghiệp là người chịu trách nhiệm vô hạn và cuối cùng về mọi hoạt động của doanh nghiệp. Về quy mô, thì doanh nghiệp tư nhân nhìn chung có thể lớn hơn hộ kinh doanh cá thể.

3. Công ty hợp danh

Công ty hợp danh là loại hình doanh nghiệp mới xuất hiện tại Việt Nam bắt đầu từ năm 2000 theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 1999. Cho đến nay, số lượng công ty hợp danh không nhiều (chỉ mới khoảng vài chục, không kể số các công ty hợp danh trong các ngành, nghề mà pháp luật bắt buộc phải sử dụng để kinh doanh các ngành, nghề đó).

Công ty hợp danh có các đặc điểm sau đây:

- Có ít nhất 2 thành viên là cá nhân, trong đó có phải có ít nhất một thành viên hợp danh. Ngoài thành viên hợp danh có thể có thành viên góp vốn. Thành viên hợp danh phải là cá nhân, còn thành viên góp vốn có thể là cá nhân, tổ chức.
- Thành viên hợp danh chịu trách nhiệm liên đới và vô hạn bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ và nghĩa vụ khác của doanh nghiệp; còn thành viên góp vốn chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi giá trị số vốn góp vào công ty. Thành viên hợp danh có quyền quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty; còn thành viên góp vốn không có quyền quản lý công ty. Trường hợp thành viên góp vốn tham gia quản lý,

điều hành công ty, thì thành viên đó đương nhiên được coi là thành viên hợp danh.

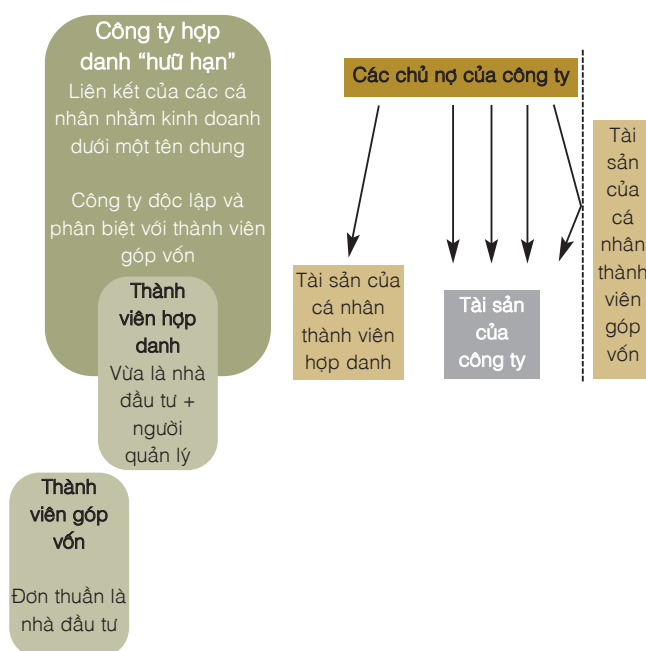
- Công ty hợp danh có tư cách pháp nhân.
- Công ty hợp danh không được phát hành chứng khoán.

Như vậy, trên thực tế công ty hợp danh quy định tại Luật Doanh nghiệp có thể tồn tại dưới 2 hình thức. Một là, tất cả thành viên đều là thành viên hợp danh (không có thành viên góp vốn); trong trường hợp này, đó là công ty hợp danh thông thường tương tự như ở các nước khác. Hai là, có cả thành viên hợp danh và thành viên góp vốn; trong trường hợp này, là công ty hợp danh hữu hạn tương tự như quy định của pháp luật ở các nước khác. Tóm lại, công ty hợp danh theo quy định tại Luật Doanh nghiệp có thể là hợp danh thông thường hoặc hợp danh hữu hạn (xem tương ứng sơ đồ 2 và sơ đồ 3).

HÌNH 3A - Công ty hợp danh thường



HÌNH 3B - Công ty hợp danh hữu hạn



Trong công hợp danh, có sự khác nhau cơ bản giữa thành viên hợp danh và thành viên góp vốn. Bảng sau đây sẽ so sánh chi tiết sự giống và khác nhau này:

Bảng 1 – So sánh chi tiết sự giống và khác nhau giữa thành viên hợp danh và thành viên góp vốn

	Đối tượng	Chuyển nhượng phần vốn góp	Trách nhiệm	Quản lý
Thành viên hợp danh	<ul style="list-style-type: none"> - Bắt buộc phải có - Chỉ là cá nhân - Tối thiểu là 1 	<ul style="list-style-type: none"> - Bị hạn chế 	<ul style="list-style-type: none"> - Chịu trách nhiệm liên đới và “vô hạn” 	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tham gia quản lý, điều hành - Bị hạn chế trong hoạt động kinh doanh khác
Thành viên góp vốn	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể có hoặc không có - Là cá nhân hoặc tổ chức - Không hạn chế 	<ul style="list-style-type: none"> - Không hạn chế 	<ul style="list-style-type: none"> - Chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn góp 	<ul style="list-style-type: none"> - Không trực tiếp quản lý, điều hành - Không bị hạn chế trong hoạt động kinh doanh khác

4. Công ty trách nhiệm hữu hạn

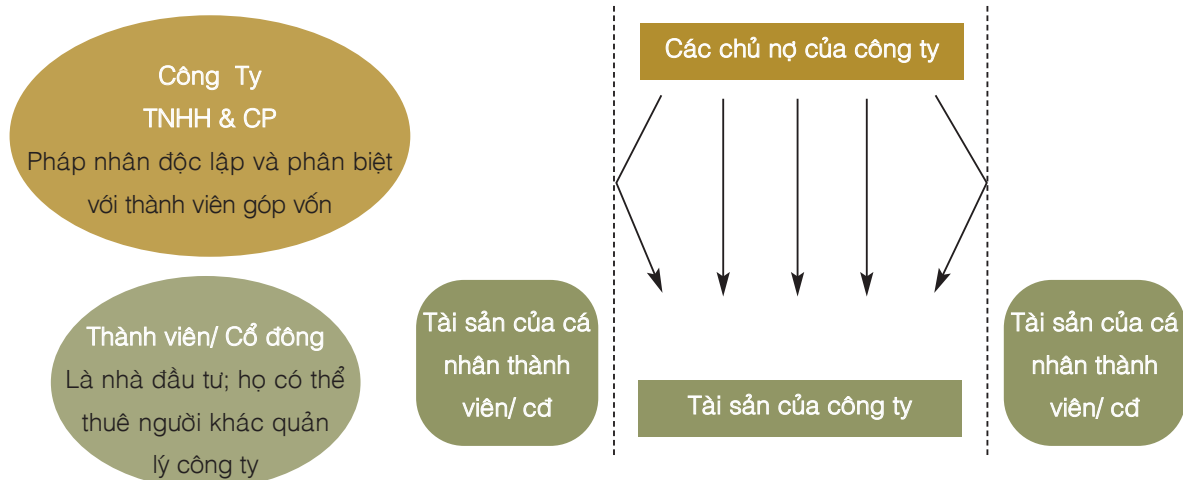
Theo quy định của Luật doanh nghiệp, thì công ty TNHH được chia thành hai loại căn cứ và số lượng thành viên ; đó là: (i) công ty TNHH 1 thành viên và (ii) công ty TNHH hai thành viên trở lên.⁸ Sự khác biệt cơ bản giữa hai loại hình công ty TNHH này là cơ cấu tổ chức quản lý hay cách thức thực hiện quyền chủ sở hữu và số lượng thành viên công ty. Mặc dù vậy, công ty TNHH có những đặc điểm chung sau:

- Số lượng thành viên không quá 50⁹.
- Trách nhiệm của các thành viên giới hạn trong phạm vi số vốn cam kết góp vào công ty.
- Phần vốn góp chuyển nhượng được; nhưng bị hạn chế chuyển nhượng.
- Công ty là một pháp nhân độc lập và tách biệt về pháp lý với các thành viên.
- Không được phát hành chứng khoán.

⁸. Sự phân chia này thể hiện sự đặc thù trong lịch sử phát triển của hệ thống pháp luật về doanh nghiệp ở Việt Nam. Cũng chỉ mới gần đây, luật pháp mới cho phép 1 cá nhân hay tổ chức được thành lập loại hình công ty TNHH.

⁹. Đối với công ty TNHH 2 thành viên trở lên thì số lượng thành viên tối đa cũng không quá 50.

HÌNH 4 - Công ty TNHH và công ty cổ phần



Công ty TNHH một thành viên lần đầu tiên xuất hiện tại Việt nam vào năm 2000 theo quy định của Luật doanh nghiệp 1999. Tuy nhiên, tại thời điểm đó, chỉ có tổ chức mới được thành lập và làm chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên. Luật Doanh nghiệp 2005 đã có bước phát triển mới, cho phép 1 cá nhân cũng được quyền thành lập và làm chủ sở hữu công ty TNHH. Nói cách khác, từ ngày 1-7-2006 thì 1 tổ chức hay cá nhân đều được quyền thành lập và làm chủ sở hữu công ty TNHH.¹⁰

5. Công ty cổ phần

Công ty cổ phần có các đặc điểm cơ bản sau:

- Số lượng thành viên tối thiểu là 3 và không hạn chế số lượng tối đa. Thành viên công ty là người sở hữu cổ phần, được gọi là cổ đông.
- Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Có thể có nhiều loại cổ phần.
- Cổ phần được tự do chuyển nhượng.
- Trách nhiệm của cổ đông giới hạn trong phạm vi vốn đã góp vào công ty.
- Công ty là pháp nhân độc lập trước pháp luật và với các cổ đông.
- Công ty cổ phần được phát hành chứng khoán.

Khi so sánh giữa loại hình công ty TNHH và công ty cổ phần thì có 2 đặc điểm cơ bản giống nhau đó là (i) sự tách bạch giữa công ty và cổ đông/thành viên và (ii) chế độ trách nhiệm hữu hạn của tất cả các thành viên (xem sơ đồ 5).

Trên đây là những đặc điểm cơ bản nhất của các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam. Câu hỏi tiếp theo là trong những loại hình này thì loại nào là sự lựa chọn tốt nhất đối với các nhà đầu tư. Để trả lời câu hỏi nói trên, trong phần hai tiếp theo đây chúng tôi sẽ so sánh một cách cụ thể những điểm mạnh và yếu giữa các loại hình này. Có lẽ trên cơ sở cân nhắc, so sánh những điểm mạnh và điểm yếu của từng loại hình doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp cụ thể sẽ được lựa chọn, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và yêu cầu cụ thể của nhà đầu tư.

¹⁰. Ngày Luật Doanh nghiệp 2005 có hiệu lực thi hành, thay thế Luật Doanh nghiệp 1999

Phần 2



TIÊU CHÍ LỰA CHỌN LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

Điểm mạnh và điểm yếu của từng loại hình doanh nghiệp sẽ được đánh giá một cách tương đối toàn diện và đầy đủ trên 9 tiêu chí; gồm (i) quyền kinh doanh, (ii) góp vốn, thành lập doanh nghiệp, (iii) tổ chức quản lý, (iv) chế độ trách nhiệm của nhà đầu tư, (v) khả năng rút vốn, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, (vi) huy động vốn, (vii) nghĩa vụ thuế, (viii) chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, và (ix) thời hạn hoạt động, giải thể, phá sản doanh nghiệp. Chúng tôi cho rằng, lựa chọn loại hình nào là quyết định của nhà đầu tư. Những điểm mạnh và yếu của từng loại hình doanh nghiệp được phân tích, so sánh dưới đây là “trung tính”, không gắn với bất kỳ điều kiện, hoàn cảnh hay giới hạn cụ thể mà nhà đầu tư gặp phải khi quyết định lựa chọn loại hình doanh nghiệp để kinh doanh. Vì vậy, cần lưu ý rằng, trong bối cảnh, điều kiện cụ thể nhất định, thì một điểm yếu hay hạn chế của loại hình doanh nghiệp cụ thể có thể trở thành điểm mạnh trong quyết định lựa chọn của nhà đầu tư. Nói cách khác, điểm mạnh và yếu của từng loại hình doanh nghiệp chỉ là tương đối; “cán cân” mạnh và yếu của chúng phụ thuộc phần nhiều vào yêu cầu và bối cảnh để lựa chọn của nhà đầu tư.

1. Quyền kinh doanh

Về nguyên tắc, cá nhân, tổ chức có quyền như nhau trong việc thực hiện hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, đối với một số ngành nghề kinh doanh, pháp luật không cho phép nhà đầu tư lựa chọn, mà bắt buộc phải kinh doanh theo một loại hình doanh nghiệp nhất định. Ngược lại, trong một số ngành, nghề khác, thì pháp luật không cho phép nhà đầu tư lựa chọn một loại hình doanh nghiệp cụ thể để kinh doanh. Xin nêu một số ví dụ:

- Hộ kinh doanh cá thể không được sản xuất vàng.¹¹ Chỉ các doanh nghiệp, tức là bao gồm doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty TNHH và công ty cổ phần mới được phép kinh doanh sản xuất vàng.
- Theo Luật Luật sư,¹² thì tổ chức hành nghề luật sư chỉ được thành lập dưới hai hình thức là văn phòng luật sư (dưới hình thức doanh nghiệp tư nhân) và công ty luật (dưới hình thức công ty hợp danh hoặc công ty TNHH). Như vậy, tổ chức hành nghề luật sư không thể được thành lập dưới hình thức hộ kinh doanh và công ty cổ phần .

¹¹. Điều 1(2) ND 64/2003/ND-CP ngày 11 tháng 6 năm 2003

¹². Điều 32&33 - Luật luật sư 65/2006/QH11 ngày 29-6-2006

- Theo Luật Công chứng, thì văn phòng công chứng chỉ được thành lập dưới hình thức doanh nghiệp tư nhân hay công ty hợp danh.

Về quyền kinh doanh, thì hộ kinh doanh cá thể bị hạn chế nhiều nhất; mỗi hộ kinh doanh cá thể chỉ được đăng ký kinh doanh tại một địa điểm; phạm vi kinh doanh của nó chỉ giới hạn trong địa giới hành chính quận, huyện, nơi hộ kinh doanh đó đăng ký; không được mở chi nhánh, văn phòng đại diện ở nơi khác ngoài địa điểm kinh doanh đã đăng ký.

Quy mô phát triển của hộ kinh doanh cá thể cũng bị hạn chế; không được quá mười (10) lao động thường xuyên.

2. Góp vốn, thành lập doanh nghiệp

a) Đối tượng thành lập

Tùy vào loại hình doanh nghiệp, yêu cầu về đối tượng thành lập và số thành viên tối thiểu phải có để thành lập doanh nghiệp cũng khác nhau.

BẢNG 2 – Yêu cầu về đối tượng thành lập và số thành viên tối thiểu

	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH 1 TV	Công ty TNHH > 2 TV	Công ty cổ phần
Đối tượng	Cá nhân	Cá nhân	Cá nhân (đối với thành viên hợp danh)	Cá nhân, tổ chức	Cá nhân, tổ chức	Cá nhân, tổ chức
Số lượng tối thiểu	1	Duy nhất 1	2, trong đó ít nhất phải có một cá nhân làm thành viên hợp danh	Duy nhất 1	Tối thiểu 2 Tối đa 50	3
Hạn chế đối với chủ sở hữu doanh nghiệp	- chỉ được làm chủ 1 hộ kinh doanh - Không được đồng thời làm chủ dntn, thành viên hợp danh ¹³	- chỉ được làm chủ 1 hộ doanh nghiệp tư nhân - Không được đồng thời làm chủ hộ kinh doanh, thành viên hợp danh ¹⁴	- Không được làm chủ hộ kinh doanh, chủ dntn - Hạn chế làm thành viên hợp danh của nhiều công ty	Không hạn chế	Không hạn chế	Không hạn chế
Hạn chế đối với doanh nghiệp	- Không được tham gia thành lập doanh nghiệp khác	Không được tham gia thành lập doanh nghiệp khác	- Không hạn chế	- Không hạn chế	- Không hạn chế	- Không hạn chế

¹³. Cá nhân hộ kinh doanh cá thể vẫn được quyền thành lập, tham gia thành lập (không hạn chế) các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần. Như vậy, cá nhân chủ sở hữu hộ kinh doanh cá thể có thể làm chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, làm thành viên, cổ đông các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần.

¹⁴. Cùng tương tự như đối với cá nhân chủ sở hữu hộ kinh doanh cá thể trình bày tại điểm giải thích số 13 trên đây.

Như vậy, xét dưới khía cạnh này, thì công ty TNHH có lợi thế nhất; nghĩa là chỉ cần 1 người, bất kể là cá nhân hay tổ chức, là có thể thành lập được. Việc thành lập công ty hợp danh đòi hỏi ít nhất có sự liên kết ít nhất 2 người, trong đó phải có một cá nhân làm thành viên hợp danh, nên có thể coi là kém thuận lợi hơn so với doanh nghiệp tư nhân hay hộ kinh doanh cá thể. Ngược lại, công ty hợp danh có quyền thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp khác, và đó có thể coi là lợi thế của nó so với DNTN và hộ kinh doanh cá thể (cột 4 bảng trên).

Theo pháp luật về cán bộ, công chức, thì cán bộ, công chức không được thành lập, tham gia thành lập hoặc tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh... Điều này có nghĩa là họ không bị cấm góp vốn vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc góp vốn với tư cách thành viên góp vốn của công ty hợp danh, Trường hợp ngoại lệ là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan nhà nước không được góp vốn vào doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi ngành, nghề mà người đó trực tiếp thực hiện việc quản lý nhà nước.

b) Góp vốn thành lập doanh nghiệp

Nội dung phần này sẽ trình bày về loại tài sản góp vốn, thủ tục góp vốn thành lập doanh nghiệp.

BẢNG 3 – Loại tài sản góp vốn, thủ tục góp vốn thành lập doanh nghiệp

	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH	Công ty cổ phần
Thủ tục	- Chủ sở hữu hộ kinh doanh cá thể tự kê khai và đăng ký loại tài sản, giá trị các tài sản làm vốn kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể.	- Chủ sở hữu tự kê khai và đăng ký loại tài sản sử dụng vào việc kinh doanh và trị giá các tài sản đó làm vốn kinh doanh của doanh nghiệp.	- Các thành viên thỏa thuận nhất trí về tỷ lệ vốn góp, loại tài sản góp vốn, giá trị của từng tài sản góp vốn bằng hiện vật, số lần góp vốn, thời điểm và mức góp vốn của từng đợt (thể hiện trong các nội dung cụ thể của Danh sách thành viên đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh); Định giá tài sản góp vốn đối với những tài	- Định giá tài sản góp vốn - Lập biên bản góp vốn - Chuyển quyền sở hữu tài sản đối với tài sản có đăng ký Cấp giấy	- Định giá tài sản góp vốn - Lập biên bản góp vốn - Chuyển quyền sở hữu tài sản đối với tài sản có đăng ký - Cấp cổ phiếu



			<ul style="list-style-type: none"> sản không phải bằng tiền mặt trong từng đợt góp vốn; - Lập biên bản góp vốn - Chuyển quyền sở hữu tài sản đối với tài sản có đăng ký - Cấp giấy chứng nhận phần vốn góp - Định giá tài sản góp vốn - Lập biên bản góp vốn - Chuyển quyền sở hữu tài sản đối với tài sản có đăng ký - Cấp giấy chứng nhận phần vốn góp; 	<ul style="list-style-type: none"> chúng nhận phần vốn góp; Có thể góp vốn theo tiến độ đã cam kết. 	
Hạn chế về góp vốn	- Không	- Không	- Không	<ul style="list-style-type: none"> - Được góp nhiều lần, theo lộ trình quy định trong điều lệ công ty 	<ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông sáng lập phải góp ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông. Tỷ lệ này phải được duy trì trong 3 năm - Góp đủ vốn trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ĐKKD.

Theo phân tích này, thì góp vốn vào công ty cổ phần, công ty TNHH và hợp danh chịu ràng buộc nhiều thủ tục hơn so với hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân. Bên cạnh đó, trong 3 loại hình doanh nghiệp là công ty TNHH, hợp danh và cổ phần thì việc góp vốn vào công ty cổ phần là ràng buộc nhiều thủ tục và hạn chế hơn. Việc góp vốn vào công ty TNHH là linh hoạt nhất bởi việc cho phép góp theo lộ trình, không phải góp đủ ngay một lúc ngay sau khi đăng ký kinh doanh.



c) Hồ sơ, trình tự, thủ tục thành lập

BẢNG 4 – Hồ sơ, trình tự và thủ tục thành lập doanh nghiệp

	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH	Công ty cổ phần
Loại và số lượng hồ sơ	Một (01) giấy đề nghị đăng ký kinh doanh	Một (01) giấy đề nghị đăng ký kinh doanh - Một (01) bản sao chứng chỉ hành nghề đối với ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề - Xác nhận về vốn pháp định (đối với ngành, nghề phải có vốn pháp định)	- Giấy đề nghị ĐKKD - Danh sách thành viên - Điều lệ công ty; - Chứng chỉ hành nghề của thành viên hợp danh (ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề) - Xác nhận về vốn pháp định (đối với ngành, nghề phải có vốn pháp định)	- Giấy đề nghị ĐKKD - Danh sách thành viên - Điều lệ điều lệ - Chứng chỉ hành nghề của giám đốc hoặc người khác (đối với ngành, nghề phải có vốn pháp định). - Xác nhận về vốn pháp định đối với ngành, nghề phải có vốn pháp định.	- Giấy đề nghị ĐKKD - Danh sách cổ đông sáng lập - Điều lệ công ty; - Chứng chỉ hành nghề của giám đốc hoặc người khác đối với ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề) - Xác nhận về vốn pháp định đối với ngành, nghề phải có vốn pháp định.
Thời gian giải quyết		10 ngày	10 ngày	10 ngày	10 ngày
Nơi giải quyết	Phòng kinh tế-tài chính Huyện hoặc quận.	Phòng ĐKKD tỉnh	Phòng ĐKKD tỉnh	Phòng ĐKKD tỉnh	Phòng ĐKKD tỉnh
Yêu cầu khác	Không	Đăng báo nội dung ĐKKD	Đăng báo nội dung ĐKKD	Đăng báo nội dung ĐKKD	Đăng báo nội dung ĐKKD
Lệ phí (đồng)¹⁵		100.000	150.000	200.000	200.000

15. Quyết định 83/2000/QĐ-BTC ngày 29 tháng 5 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu lệ phí cấp GCNĐKKD và Quyết định 95/2001/QĐ-BTC ngày 1 tháng 10 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Quyết định 83/2000/QĐ-BTC. Thông tư 97/2006/TT-BTC ngày 16-10-2006 hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Như vậy, dưới tiêu chí này, thì lợi thế sẽ thuộc về hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân, bởi hồ sơ đăng ký kinh doanh đơn giản; và do đó, trên thực tế, chi phí về thời gian và tiền bạc cho việc thành lập hộ kinh doanh cá thể và doanh nghiệp tư nhân có thể thấp hơn nhiều so với quy định của pháp luật. Thực tế cho thấy, việc thành lập doanh nghiệp tư nhân hoặc hộ kinh doanh cá thể ở một số địa phương có thể chỉ trong một vài giờ mà thôi. Ngoài ra, việc đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh được thực hiện tại cấp quận, huyện, giảm chi phí đi lại đối với nhà đầu tư ở xa phòng đăng ký kinh doanh. Công ty hợp danh, công ty TNHH và công ty cổ phần sẽ khó khăn hơn trong chuẩn bị hồ sơ đăng ký kinh doanh; theo đó, có thể tốn kém hơn trong việc hoàn tất thủ tục ĐKKD. Tuy nhiên, thực tế cho thấy ưu điểm này đối với hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân đang bị mất dần. Hiện nay, việc cải cách thủ tục đăng ký kinh doanh ở phòng đăng ký kinh doanh nhiều địa phương được thực hiện rất hiệu quả; thủ tục đã được đơn giản hóa nhiều. Nhiều nơi, đã bước đầu cho phép đăng ký kinh doanh qua mạng đối với các loại hình doanh nghiệp đăng ký tại phòng ĐKKD¹⁶. Việc làm này lại làm mất đi ưu điểm dễ dàng đăng ký đối với hộ kinh doanh so với các loại hình doanh nghiệp khác.

3. Tổ chức quản lý

Thực tế cho thấy, nhiều nhà đầu tư thường muốn trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh; ngược lại, có nhà đầu tư chỉ quan tâm đến lợi ích mang lại từ khoản tiền đầu tư của mình mà không muốn hoặc thậm trí không quan tâm quản lý, điều hành các hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, yêu cầu bắt buộc về tổ chức quản lý (thường gọi là “gánh nặng pháp lý” được quy định khác nhau đối với các loại hình doanh nghiệp khác nhau. Do đó, để đánh giá các ưu điểm, nhược điểm từng loại hình doanh nghiệp, chúng tôi sẽ đánh giá theo 2 tiêu chí là:

- Mức độ tham gia của nhà đầu tư vào quản lý doanh nghiệp.
- Yêu cầu pháp luật về cơ cấu tổ chức quản lý doanh nghiệp (gánh nặng pháp lý).

Bảng so sánh dưới đây cho thấy sự khác nhau giữa các loại hình doanh nghiệp dưới khía cạnh tổ chức quản lý.

¹⁶. Ví dụ như Hưng Yên, Quảng Nam, Đắk Lắk, An Giang, Nam Định, và Quảng Bình, TP. Hồ Chí Minh.... Tham khảo thêm tại www.businessportal.com.vn về mô hình đăng ký kinh doanh qua mạng và các tỉnh đã triển khai đăng ký kinh doanh qua mạng tại



BẢNG 5 – Sự khác nhau giữa các loại hình doanh nghiệp dưới khía cạnh tổ chức quản lý

	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH 1 TV	Công ty TNHH > 2 TV	Công ty cổ phần
Mức độ tham gia của nhà đầu tư vào quản lý doanh nghiệp	- Chủ hộ trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh. - Là đại diện theo pháp luật. - Trường hợp thuê người khác điều hành là quan hệ ủy quyền.	- Chủ doanh nghiệp trực tiếp và toàn quyền điều hành hoạt động kinh doanh - Chủ doanh nghiệp là người đại diện theo pháp luật - Giám đốc có thể thuê để điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	Đối với thành viên hợp danh: - Trực tiếp quản lý, ra quyết định. Mọi thành viên hợp danh đều có quyền nhân danh công ty thực hiện các hoạt động kinh doanh - Các thành viên hợp danh có quyền ngang nhau trong điều hành doanh nghiệp (quyết định không dựa trên mức vốn góp). Đối với thành viên góp vốn - Không tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp	- Trực tiếp quản lý đối với công ty TNHH 1 TV là cá nhân; - Gián tiếp đối với công ty TNHH 1 TV là tổ chức; có thể không trực tiếp gia quyết định về các vấn đề quan trọng của công ty.	- Trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh (thông qua Hội đồng thành viên); tuy nhiên, có thể không trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày (đối với thành viên thiểu số). - Về mặt pháp lý, không trực tiếp ra quyết định; quyền quyết định phụ thuộc vào phần vốn góp trong công ty.	- Phụ thuộc vào loại cổ đông và tỷ lệ sở hữu mà mức độ tham gia vào hoạt động quản lý khác nhau. - Không trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh (trừ trường hợp là cổ đông đồng thời là thành viên HĐQT hoặc GD/TGD). - Không trực tiếp ra quyết định; quyền quyết định phụ thuộc vào loại và số cổ phần nắm giữ trong công ty.
Yêu cầu bắt buộc cơ cấu tổ chức	- Không	- Không	- Có	- Có	- Có	- Có

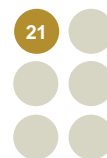
Xét về mức độ tham gia của nhà đầu tư vào quản lý doanh nghiệp thì có thể nói công ty cổ phần là loại hình doanh nghiệp có ưu điểm nhất, thể hiện bằng việc có thể đáp ứng được đa dạng nhu cầu của nhà đầu tư. Trong công ty cổ phần, có thể có nhiều loại cổ phần khác nhau, tạo cho các cổ đông tương ứng các quyền và nghĩa vụ khác nhau. Do đó, nhà đầu tư có thể tham gia vào công ty cổ phần mà không nhất thiết phải tham gia quản lý (như đối với các loại hình hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân hay công ty hợp danh-đối với thành viên hợp danh). Họ có thể vừa là cổ đông, vừa là người quản lý trong công ty cổ phần thông qua đại hội đồng cổ đông hoặc là thành viên hội đồng quản trị, giám đốc, tổng giám đốc. Với ưu điểm này, công ty cổ phần có thể coi là công cụ tốt để huy động vốn, mở rộng hoạt động kinh doanh, vừa sử dụng được những người quản lý chuyên nghiệp, qua đó, nâng cao được hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Tuy nhiên, đổi lại, thì công ty cổ phần là loại hình doanh nghiệp chịu nhiều ràng buộc nhất về mặt pháp lý trong thiết lập cơ cấu tổ chức quản lý; quy trình ra quyết định trong công ty bắt buộc phải tuân thủ các quy định tương ứng của luật pháp. Do đó, chi phí tuân thủ pháp luật về quản trị công ty chắc chắn cũng cao hơn nhiều so với các loại hình doanh nghiệp khác. Hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân có thể coi là có ưu điểm xét dưới khía cạnh này khi chủ doanh nghiệp toàn quyền quyết định về cơ cấu tổ chức và cách thức quản lý cũng như ra quyết định trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. Nói cách khác, ưu điểm của hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân là tính linh hoạt trong thiết lập cơ cấu tổ chức quản lý doanh nghiệp.

4. Chế độ trách nhiệm của nhà đầu tư

BẢNG 6 - So sánh chế độ trách nhiệm nhà đầu tư

	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH 1 TV	Công ty TNHH > 2 TV	Công ty cổ phần
	<ul style="list-style-type: none"> - Không phân định trách nhiệm hộ và chủ hộ - Chủ hộ chịu trách nhiệm vô hạn bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ 	<ul style="list-style-type: none"> - Không phân định rõ giữa doanh nghiệp và chủ doanh nghiệp - Chủ doanh nghiệp chịu trách nhiệm vô hạn bằng toàn bộ tài sản của mình 	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty hợp danh là một pháp nhân, chịu trách nhiệm độc lập với các thành viên, bằng tài sản của công ty. - Các thành viên hợp danh chịu trách nhiệm 	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty là pháp nhân độc lập với các thành viên - Trách nhiệm của các thành viên đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác chỉ giới hạn trong phạm vi 	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty là pháp nhân độc lập với các thành viên, và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh bằng toàn bộ tài sản của công ty. - Trách nhiệm của 	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty là pháp nhân độc lập với các thành viên, và chịu trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh bằng toàn bộ tài sản của công ty. - Trách nhiệm của



		đối với hoạt động của doanh nghiệp (trong mọi trường hợp)	liên đới và bằng toàn bộ tài sản ¹⁷ của mình với mọi hoạt động của công ty - Trách nhiệm các thành viên góp vốn chỉ giới hạn trong phạm vi vốn góp vào công ty	vi vốn đã cam kết góp vào công ty.	các thành viên đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác chỉ giới hạn trong phạm vi vốn đã cam kết góp vào công ty.	các cổ đông đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác chỉ giới hạn trong phạm vi vốn đã góp vào công ty.
--	--	---	--	------------------------------------	---	--

Đối với hộ kinh doanh cá thể và doanh nghiệp tư nhân thì không có sự phân định về trách nhiệm giữa hộ hay doanh nghiệp và chủ hộ, chủ doanh nghiệp; chủ hộ, chủ doanh nghiệp tư nhân phải chịu trách nhiệm vô hạn về hoạt động của hộ, doanh nghiệp bằng toàn bộ tài sản của mình. Trong khi đó, thành viên công ty TNHH và cổ đông công ty cổ phần không phải chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của công ty và rủi ro của họ chỉ nằm trong phạm vi số vốn cam kết hoặc đã góp vào công ty.¹⁸ Trong công ty hợp danh thì chế độ trách nhiệm của thành viên hợp danh gần giống với chủ hộ và chủ doanh nghiệp tư nhân; trong khi đó, chế độ trách nhiệm của thành viên góp vốn tương tự như thành viên công ty TNHH hay cổ đông công ty cổ phần. Điểm khác giữa thành viên hợp danh với chủ hộ, chủ doanh nghiệp tư nhân là (i) trách nhiệm liên đới giữa các thành viên hợp danh, và (ii) thành viên hợp danh chỉ chịu trách nhiệm nếu tài sản của công ty không đủ để thanh toán các nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh của công ty. Chính vì vậy, trách nhiệm liên đới đã đặt thành viên hợp danh vào vị thế rủi ro ở thấp hơn ở mức độ nhất định so với chủ hộ và chủ doanh nghiệp tư nhân.

Có thể coi “chế độ trách nhiệm hữu hạn” của thành viên công ty TNHH, cổ đông công ty CP là ưu điểm của loại hình doanh nghiệp này so với hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh. Yếu điểm của chế độ trách nhiệm “vô hạn” là không có giới hạn về chế độ trách nhiệm và sự không tách bạch giữa doanh nghiệp và chủ doanh nghiệp thể hiện trên một số điểm sau đây:

- Hoạt động kinh doanh không bền vững, dễ bị chấm dứt. Sự tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp gắn với tự tồn tại, và thậm chí tình trạng sức khỏe của chính chủ hộ hoặc

17. Trách nhiệm liên đới có nghĩa là chủ nợ có thể yêu cầu bất kỳ ai trong số các thành viên hợp danh thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho mình, kể cả nghĩa vụ này không trực tiếp phát sinh từ hoạt động của thành viên đó.

18. Công ty TNHH và công ty cổ phần là những pháp nhân độc lập với thành viên; do đó, công ty sẽ là “người” chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của công ty, chứ không phải thành viên, cổ đông.

chủ doanh nghiệp tư nhân. Chủ doanh nghiệp chết, tai nạn, ốm đau, bệnh tật đều dẫn đến chấm dứt sự tồn tại hoặc tạm ngừng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Đây là điểm rất đáng lưu ý khi thiết lập các quan hệ giao dịch với doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh cá thể.

- Khó mở rộng quy mô kinh doanh; rủi ro trong đầu tư kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh cá thể, hoặc thành viên hợp danh trong công ty hợp danh là rất cao; độ an toàn về sở hữu tài sản lại rất thấp. Vì vậy, chủ doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh cá thể có thể bị mất toàn bộ cơ nghiệp, nếu kinh doanh bị thất bại. Thực tế cho thấy, doanh nghiệp tư nhân càng có quy mô càng rộng, ngành nghề kinh doanh càng đa dạng, thì mức độ rủi ro và bất an toàn đối với chủ sở hữu càng cao. Chính vì vậy, trong thời gian qua, không ít doanh nghiệp tư nhân có quy mô lớn đã chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần; và nếu không chuyển đổi như thế, thì doanh nghiệp đó không thể phát triển thêm được nữa.

Tuy vậy, trên thực tế, trong một số trường hợp thì chính chế độ trách nhiệm “vô hạn” của nhà đầu tư lại là ưu điểm của loại hình doanh nghiệp đó trong việc thu hút khách hàng, tạo uy tín và phát triển kinh doanh.

Tóm lại, thì có thể nói, dưới khía cạnh này, thì công ty TNHH và công ty cổ phần là công cụ tốt nhất để bảo vệ lợi ích cho các nhà đầu tư. Cùng với việc một nhà đầu tư có thể cùng một lúc đầu tư vào nhiều công ty TNHH hay cổ phần đã làm cho hai loại hình doanh nghiệp còn được coi là công cụ phân bổ rủi ro một cách tốt nhất. Do đó, đây là loại hình doanh nghiệp thích hợp cho việc kinh doanh trong các lĩnh vực mới, tính rủi ro cao. Dưới góc độ chủ nợ, thì hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh là công cụ tốt để đảm bảo cho nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với chủ nợ.¹⁹ Tuy nhiên, các chủ nợ lại rất cần lưu ý khi giao dịch với loại hình doanh nghiệp này bởi tính không ổn định của doanh nghiệp và sự hạn chế về tài sản riêng của nhà đầu tư.

5. Khả năng rút vốn và chuyển nhượng cổ phần, phần góp vốn

Khả năng rút vốn – tính thanh khoản nguồn vốn, là một yếu tố mà nhiều nhà đầu tư cân nhắc khi đầu tư kinh doanh. Xét dưới khía cạnh này, loại hình doanh nghiệp nào tạo được cho nhà đầu tư khả năng việc chuyển nhượng cổ phần hay phần vốn góp một cách dễ dàng và ít tốn kém, mà không ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, thì loại hình doanh nghiệp đó được coi là có ưu thế hơn so với loại hình doanh nghiệp khác.

¹⁹. Tuy nhiên, một chủ nợ khôn ngoan thì vẫn có thể dùng các công cụ khác như chế độ hợp đồng để gia tăng sự đảm bảo cho giao dịch của mình đối với công ty TNHH hay cổ phần.



BẢNG 7 - So sánh mức độ thuận lợi trong việc rút vốn kinh doanh của các nhà đầu tư giữa các loại hình doanh nghiệp

	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH 1 TV	Công ty TNHH 2 TV trở lên	Công ty cổ phần
Khả năng rút vốn	Việc rút khỏi hoạt động kinh doanh gắn liền với việc thu hẹp, giải thể chấm dứt hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.	Chủ doanh nghiệp có thể thu hẹp, giải thể hoặc bán tài sản của doanh nghiệp để thu hồi vốn; và như vậy, việc rút vốn đương nhiên dẫn đến thu hẹp, hoặc giải thể chấm dứt hoạt động kinh doanh.	- Thành viên góp vốn được tự do chuyển nhượng phần góp vốn cho người khác. - Thành viên hợp danh có thể chuyển nhượng phần vốn góp, nhưng phải được sự đồng ý của Hội đồng thành viên	Chủ sở hữu rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc tất cả vốn điều lệ cho người khác.	- Thành viên có thể rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần góp vốn của mình cho người khác; nhưng quyền chuyển nhượng bị hạn chế theo cách phải ưu tiên chuyển nhượng cho các thành viên khác)	- Cổ đông phổ thông rút vốn bằng cách tự do chuyển nhượng cổ phần cho người khác - Cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng cổ phần trong thời hạn 3 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận ĐKKD
Thủ tục		- Thông báo giảm vốn sử dụng vào việc kinh doanh, hoặc bán tài sản đang sử dụng vào việc kinh doanh.	- Đăng ký thay đổi thành viên	- Đăng ký chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên.; hoặc chuyển đổi thành công ty cổ phần.	- Đăng ký thay đổi thành viên hoặc đăng ký chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.	- Đăng ký cổ đông hoặc thay đổi cổ đông vào Sổ đăng ký cổ đông. Trường hợp cổ đông sáng lập chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác trong ba năm đầu còn phải đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập tại cơ quan đăng ký kinh doanh.

Xét dưới tiêu chí này thì hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân có nhược điểm là chủ hộ và chủ doanh nghiệp rút vốn luôn đồng nghĩa với việc doanh nghiệp thu hẹp quy mô kinh doanh hoặc chấp dứt hoạt động kinh doanh. Trong khi đó, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hoàn toàn không bị tác động bởi cổ đông hay thành viên chuyển nhượng cổ phần, phần góp vốn của họ cho người khác. Cổ đông công ty cổ phần được chuyển nhượng cổ phần rất linh hoạt; tự mình quyết định về người mua, thời điểm, giá cả và cách thức chuyển nhượng. Vì vậy, chi phí chuyển nhượng thường thấp hơn, nhanh hơn và có thể cả “được giá hơn”. Tuy nhiên, quyền tự cho chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông tạo cơ chế và điều kiện để thay đổi sở hữu công ty một cách dễ dàng. Vì vậy, cổ đông khó có thể chủ động nắm giữ quyền sở hữu và duy trì ổn định cơ cấu sở hữu công ty. Vì vậy, quyền kiểm soát công ty cũng có thể dễ dàng thay đổi, chuyển từ cổ đông, nhóm cổ đông này sang cổ đông, nhóm cổ đông khác.

6. Huy động vốn

Tài chính là một vấn đề rất quan trọng của doanh nghiệp trong việc mở rộng và phát triển sản xuất, kinh doanh. Do đó, độ dễ dàng, linh hoạt trong huy động vốn và quy mô, phạm vi vốn có thể huy động là một trong những tiêu chí đánh giá và lựa chọn loại hình doanh nghiệp. Thông thường, ngoài việc tự tích lũy, tái đầu tư từ lợi nhuận, doanh nghiệp huy động thêm vốn vay hoặc vốn góp (huy động thêm phần góp vốn, cổ phần từ thành viên, cổ đông hiện hữu hoặc người khác).

BẢNG 8 - So sánh cách thức huy động vốn giữa các loại hình doanh nghiệp

	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH 1 thành viên	Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	Công ty cổ phần
Cách thức huy động vốn	<ul style="list-style-type: none"> - Vay vốn từ ngân hàng hoặc người khác (thông thường chỉ trong số các thành viên gia đình, bạn bè, người thân khác). - Không thể huy động vốn góp (dưới hình thức phần góp vốn hoặc cổ phần) 	<ul style="list-style-type: none"> - Vay vốn từ ngân hàng hoặc từ người khác (thông thường cũng chỉ từ các thành viên gia đình, bạn bè, người thân khác). - Không thể huy động vốn dưới hình thức góp vốn hoặc cổ phần. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vay vốn từ ngân hàng hoặc từ các chủ nợ khác - Kết nạp thêm thành viên hợp danh hoặc góp vốn - Huy động thêm vốn góp từ các thành viên hợp danh và/hoặc thành viên góp vốn 	<ul style="list-style-type: none"> - Vay vốn từ ngân hàng hoặc các chủ nợ khác - Phát hành trái phiếu - Kết nạp thêm thành viên mới (tuy nhiên lại phải chuyển đổi loại hình doanh nghiệp); - Không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào ra công chúng; 	<ul style="list-style-type: none"> - Vay vốn từ ngân hàng hoặc các chủ nợ khác - Kết nạp thêm thành viên mới. - Huy động thêm vốn góp từ các thành viên (tặng vốn) - Phát hành trái phiếu 	<ul style="list-style-type: none"> - Vay vốn từ ngân hàng hoặc chủ nợ khác - Phát hành thêm cổ phần mới cho cổ đông hiện hữu và cho những người khác;... - Phát hành chứng khoán ra công chúng. - Không bị bất kỳ hạn chế nào về quy mô, phạm vi và cách thức huy động vốn.

Có thể nói, công ty cổ phần là loại hình doanh nghiệp có ưu thế nhất trong huy động thêm vốn. Về nguyên tắc, khả năng huy động vốn của công ty cổ phần là không giới hạn. Hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân chỉ có thể huy động vốn dưới hình thức vốn vay và quy mô, phạm vi huy động vốn chỉ có thể giới hạn trong số những người thân quen, khách hàng thân quen mà thôi. Quy mô, phạm vi và cách thức huy động vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn lớn hơn, mở rộng hơn nhiều so với doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh. Tuy vậy, nó vẫn bị giới hạn hơn nhiều so với công ty cổ phần; phương thức huy động vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn cũng không đa dạng, linh hoạt và hiệu quả như đối với công ty cổ phần.

Tóm lại, công ty cổ phần và công ty TNHH là loại hình doanh nghiệp có lợi thế trong việc huy động thêm vốn, mở rộng và phát triển sản xuất, kinh doanh khi chúng có thể sử dụng đa dạng các phương thức huy động vốn.

7. Nghĩa vụ thuế

Ở một số nước, thì cách thức nộp thuế là một yếu tố quyết định trong việc lựa chọn loại hình doanh nghiệp. Phần nhiều nhà đầu tư lựa chọn loại hình doanh nghiệp cá nhân hay công ty hợp danh là để tránh việc bị đánh thuế hai lần, là chế độ thuế thu nhập áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn (tức là thuế thu nhập công ty và thuế thu nhập cá nhân đánh vào lợi tức của thành viên, cổ đông được chia từ lợi nhuận của công ty). Khác với hầu hết các quốc gia, vùng lãnh thổ khác trên thế giới, nghĩa vụ về thuế theo quy định của pháp luật đối với các loại hình doanh nghiệp khác nhau ở nước ta về cơ bản là giống nhau, trừ hộ kinh doanh cá thể. Nói cách khác, chế độ thuế áp dụng đối với hộ kinh doanh cá thể có khác nhiều so với các loại hình doanh nghiệp khác. Hầu như chưa áp dụng chế độ đánh thuế đúp đối với lợi nhuận của doanh nghiệp.

BẢNG 9 - So sánh cụ thể về chính sách thuế giữa các loại hình doanh nghiệp

	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH 1 TV	Công ty TNHH 2 TV	Công ty cổ phần
Thuế môn bài đóng hàng năm	từ 50.000 đến 1.000.000 VND	Từ 1.000.000 đến 3.000.000 VND	Từ 1.000.000 đến 3.000.000 VND	Từ 1.000.000 đến 3.000.000 VND	Từ 1.000.000 đến 3.000.000 VND	Từ 1.000.000 đến 3.000.000 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2 trường hợp: - thuế khoán, và - thuế theo kê khai	Tính theo kê khai, hạch toán, kế toán	Tính theo kê khai, hạch toán, kế toán	Tính theo kê khai, hạch toán, kế toán	Tính theo kê khai, hạch toán, kế toán	Tính theo kê khai, hạch toán, kế toán

Thuế thu nhập cao	Không	Không	Không, kể cả thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp	Không, kể cả thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp	Không, kể cả thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp	Không, kể cả thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần
Hóa đơn	- Trường hợp nộp thuế khoán thì được cấp hóa đơn lẻ.	Hóa đơn GTGT	Hóa đơn GTGT	Hóa đơn GTGT	Hóa đơn GTGT	Hóa đơn GTGT

Xét về nghĩa vụ thuế, thì ngoài hộ kinh doanh, các loại hình doanh nghiệp không có sự khác nhau hay không có lợi thế riêng. Đối với hộ kinh doanh nộp thuế khoán, thì có ưu điểm hơn các loại hình khác là không mất thời gian và chi phí trong việc thực hiện các thủ tục để nộp thuế, và có thể “đàm phán” về số thuế phải nộp. Tuy nhiên, bất lợi là ở chỗ hộ kinh doanh cá thể nộp thuế khoán không khấu trừ được chi phí ra khỏi giá trị chịu thuế; không được hoàn lại thuế theo quy định của pháp luật. Vì vậy, trong trường hợp không thể tách biệt được chi phí đầu vào, thì hộ kinh doanh cá thể nộp thuế khoán có thể có lợi thế; nhưng, ngược lại, thì nộp thuế theo chế độ kê khai, hạch toán kế toán theo quy định của pháp luật có lẽ là lợi hơn đối với người kinh doanh. Tuy vậy, trong mọi trường hợp, khi quy mô kinh doanh được mở rộng, thì chế độ thuế khoán khó có thể là lựa chọn hợp lý đối với doanh nghiệp.

8. Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Việc cơ cấu lại công ty và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp là một hiện tượng bình thường và cần thiết trong quá trình phát triển kinh doanh. Thông thường, khi mới bắt đầu kinh doanh với quy mô nhỏ, nhà đầu tư thường chọn loại hình doanh nghiệp với cơ cấu tổ chức quản lý đơn giản. Sau đó, quy mô kinh doanh và hoạt động kinh doanh được mở rộng, thì hình thức tổ chức ban đầu không còn phù hợp, và lúc đó, cần phải chuyển đổi sang loại hình doanh nghiệp phù hợp hơn. Tuy nhiên, việc thay đổi loại hình doanh nghiệp chỉ coi là một ưu điểm nếu nó được thực hiện một cách linh hoạt, dễ dàng, ít tốn kém và quan trọng hơn là không bắt buộc phải giải thể doanh nghiệp trước khi chuyển đổi. Thực tế cho thấy, sự tồn tại lâu đời của một doanh nghiệp góp phần không nhỏ vào việc tạo dựng uy tín và thành công trong kinh doanh cho doanh nghiệp.



BẢNG 10 - So sánh loại hình doanh nghiệp nào có ưu điểm nhất dưới tiêu chí chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH 1 TV	Công ty TNHH 2 TV trở lên	Công ty cổ phần
Các hình thức chuyển đổi loại hình doanh nghiệp	- Không	- Chuyển thành công ty TNHH 1 TV với trình tự, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tương đối phức tạp, khắt khe và tốn kém	- Không	- Chuyển thành công ty TNHH 2 TV - Chuyển thành công ty cổ phần; thủ tục chuyển đổi dễ dàng và ít tốn kém.	- Chuyển thành công ty TNHH 1 TV - Chuyển thành công ty cổ phần; Thủ tục chuyển đổi dễ dàng, thuận lợi và ít tốn kém.	- Chuyển thành công ty TNHH với thủ tục chuyển đổi dễ dàng, thuận lợi và ít tốn kém.

Căn cứ theo tiêu chí về khả năng chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, thì doanh nghiệp tư nhân có ưu điểm hơn hộ kinh doanh; công ty TNHH và công ty cổ phần có ưu điểm so với các loại hình doanh nghiệp còn lại.

9. Thời hạn hoạt động của doanh nghiệp và việc giải thể, phá sản doanh nghiệp.

Như trên đã nói, sự trường tồn và phát triển ổn định góp phần không nhỏ đến uy tín và sự thành công của nhiều công ty. Do đó, tính ổn định và khả năng tồn tại lâu dài của một công ty là một yếu tố quan trọng cần cân nhắc khi lựa chọn loại hình doanh nghiệp.

Dưới khía cạnh này, thì ưu điểm thuộc về loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần khi mà sự tồn tại của công ty không phụ thuộc vào sự tồn tại hay thay đổi của các thành viên hay cổ đông. Nói cách khác, bất cứ thay đổi nào liên quan đến thành viên, kể cả khi có một, một số thành viên bị chết hay bị kết án tù.v.v., không ảnh hưởng đến sự tồn tại của doanh nghiệp. Trong khi đó, sự tồn tại của hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân thì hoàn toàn phụ thuộc vào chủ hộ, chủ doanh nghiệp. Bất kỳ một rủi ro nào xảy ra đối với chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân đều có nguy cơ dẫn đến chấm dứt hoạt động của các doanh nghiệp này.

BẢNG 11 - So sánh mức độ ổn định trong kinh doanh giữa các loại hình doanh nghiệp

	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH 1 TV	Công ty TNHH 2 TV trở lên	Công ty cổ phần
Giới hạn thời hạn hoạt động	- Không giới hạn về pháp lý; nhưng không lâu hơn sự tồn tại của chủ hộ	- Không giới hạn về pháp lý; nhưng không lâu hơn sự tồn tại của chủ hộ	- Không giới hạn về pháp lý; tuy vậy, mỗi một sự thay đổi của thành viên hợp danh đều có ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục tồn tại của doanh nghiệp	- Không hạn chế	- Không hạn chế	- Không hạn chế
Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tồn tại của công ty	- Bất kỳ rủi ro nào, như ốm đau, tai nạn, chết chóc,... của chủ hộ đều tác động không tốt đến tồn tại và hoạt động của hộ kinh doanh cá thể	- Bất kỳ rủi ro nào, như: tai nạn, ốm đau, chết chóc,... đều có thể ảnh hưởng không tốt đến sự tiếp tục tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.	- Rủi ro xảy ra đối với 1 hoặc các thành viên hợp danh, như: ốm đau, tai nạn, chết chóc,... có ảnh hưởng đến khả năng tồn tại và phát triển của doanh nghiệp	- Các rủi ro đối với thành viên không ảnh hưởng đến sự tồn tại công ty.	- Các rủi ro đối với thành viên không ảnh hưởng đến sự tồn tại công ty.	- Các rủi ro đối với thành viên không ảnh hưởng đến sự tồn tại công ty.



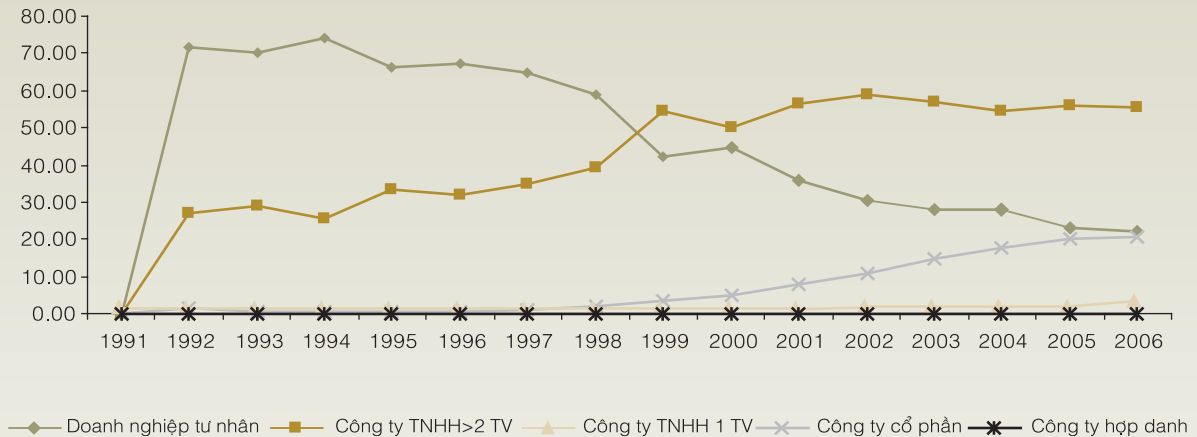
Phần 3



MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KHUYẾN NGHỊ

Thực tế cho thấy, kể từ khi Việt Nam có Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp Tư nhân (năm 1990), đã có sự thay đổi đáng kể về cơ cấu loại hình doanh nghiệp (xem sơ đồ). Điểm dễ nhận thấy nhất là sự tăng lên của loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ đông, đồng thời doanh nghiệp tư nhân giảm xuống đáng kể, từ khoảng 74% tổng số các doanh nghiệp thành lập năm 1991 xuống còn khoảng hơn 20% năm 2006, tương đương với số công ty cổ phần và chưa bằng 1/2 số công ty trách nhiệm hữu hạn. Công ty cổ phần có tốc độ tăng nhanh và liên tục, đặc biệt từ năm 1999.

HÌNH 6-Cơ cấu loại hình doanh nghiệp thành lập hàng năm, từ 1991-2006 (tỷ lệ:%)



Nguồn: Cục Phát triển Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa, Bộ KH&ĐT

Phân tích trên đây cho thấy mỗi loại hình doanh nghiệp đều có điểm mạnh và điểm yếu của nó. Xét về tổng thể, thì hộ kinh doanh cá thể có thể được coi là một loại hình doanh nghiệp kém thuận lợi nhất. Điểm thuận lợi nhất của loại hình doanh nghiệp này so với các loại hình khác là dễ thành lập, linh hoạt, dễ thay đổi phù hợp với quy mô kinh doanh nhỏ. Cũng tương tự như vậy ở mức độ

nhất định đối với doanh nghiệp tư nhân. Ngoài các nhược điểm như đã phân tích trên, hộ kinh doanh còn có một số điểm hạn chế so với các loại hình doanh nghiệp khác. Cụ thể là thường bị hạn chế về phạm vi hoạt động và quy mô hoạt động. Điều này thể hiện:

- Hộ kinh doanh chỉ được đăng ký tại một địa điểm.
- Hộ kinh doanh khó mở rộng hoạt động kinh doanh sang địa bàn khác do không được mở chi nhánh, văn phòng đại diện.
- Hộ kinh doanh không được sử dụng thường xuyên trên 10 lao động. Tất cả hộ kinh doanh nếu sử dụng thường xuyên từ 10 lao động trở lên thì phải đăng ký dưới 1 trong các loại hình doanh nghiệp được quy định trong luật doanh nghiệp.
- Hộ kinh doanh bị hạn chế kinh doanh trong nhiều ngành nghề kinh doanh, đặc biệt là các ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Ví dụ, kinh doanh dịch vụ tư vấn pháp luật theo quy định của Luật Luật sư, thì chỉ cho phép dưới hình thức công ty hợp danh hoặc công ty TNHH.²⁰ Hay việc mở văn phòng công chứng, thì chỉ được thực hiện dưới hình thức doanh nghiệp tư nhân hay công ty hợp danh.²¹

Tuy vậy, khi thành lập doanh nghiệp để kinh doanh, người đầu tư bao giờ cũng chịu ràng buộc với những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể. Bối cảnh và điều kiện đó có thể chi phối đến cả việc lựa chọn loại hình doanh nghiệp. Và trong bối cảnh cụ thể đó, thì ưu điểm xét về tổng thể của loại hình doanh nghiệp này có thể lại trở thành điểm không ưa chuộng đối với người đầu tư. Ngược lại, điểm yếu của nó theo phân tích trên đây lại trở thành ưu thế. Như vậy, việc lựa chọn loại hình doanh nghiệp này hay loại doanh nghiệp khác để kinh doanh là quyết định của chính người đầu tư, và tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh và yêu cầu cụ thể. Nhưng, có thể nói, sự lựa chọn đúng đắn loại hình doanh nghiệp có thể góp phần đáng kể vào thành công và phát triển kinh doanh của doanh nghiệp..

²⁰. Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006.

²¹. Luật Công chứng số 82/2006/QH11 ngày 12-12-2006

Hộp 1: Công ty hợp danh SCT

Công ty SCT được thành lập năm 2000, tại Hải Phòng, theo Luật doanh nghiệp (1999). Từ khi thành lập cho đến nay thì công ty hoạt động rất thành công. Sự thành công đó một phần nhờ việc lựa chọn loại hình doanh nghiệp phù hợp.

Khi Luật Doanh nghiệp 1999 có hiệu lực, ngay từ đầu các thành viên đã kiên quyết lựa chọn loại hình công ty là hợp danh, mà không phải là công ty TNHH hay công ty cổ phần. Mặc dù tại thời điểm đó, thì công ty hợp danh là loại hình doanh nghiệp rất mới, chưa từng xuất hiện ở Việt Nam. Ngay chính phòng ĐKKD cũng “ngần ngại” đăng ký loại hình công ty này và khuyên họ nên thành lập công ty TNHH hay cổ phần. Theo các thành viên công ty thì lý do chính để họ lựa chọn loại hình công ty hợp danh là: *Một là*, họ đã có nhiều năm kinh nghiệm trong cung cấp dịch vụ cho khách hàng nước ngoài. Từ đó họ nhận thấy khách hàng nước ngoài thường tin tưởng vào “trách nhiệm vô hạn” như yếu tố cơ bản đảm bảo chất lượng dịch vụ. Các khách hàng quen biết cũng đã cho họ biết trước là các khách hàng đó chỉ lựa chọn họ làm đối tác nếu công ty của họ là hợp danh.

Hai là, với bản chất của công ty hợp danh, việc điều hành và thực hiện kinh doanh của họ cũng sẽ linh hoạt hơn, phù hợp với dự tính của họ. Cụ thể là, tất cả bốn thành viên hợp danh đều là đại diện theo pháp luật của công ty, đều thương thảo và ký kết được các hợp đồng, đều có thể giải quyết được các công việc kinh doanh hàng ngày của công ty. Nhờ đó, hoạt động của công ty được thực hiện một cách liên tục, có thể 24/24 giờ trong ngày; và tại cùng một thời điểm, công ty có thể tiến hành đồng thời nhiều giao dịch khác nhau. Nhờ đó, mọi yêu cầu của khách hàng tại bất kỳ thời điểm nào cũng có thể giải quyết được ngay.

Chỉ có công ty hợp danh mới đáp ứng được những dự liệu và yêu cầu của họ. Thực tế đã chứng minh sự thành công của công ty một phần là do họ đã lựa chọn được loại hình doanh nghiệp phù hợp. Các thành viên công ty cũng cho rằng, nếu lúc đó họ lựa chọn loại hình doanh nghiệp là công ty TNHH hay cổ phần thì khó có thể có sự thành công như hôm nay. Bởi vì tại thời điểm đó, trong lĩnh vực mà họ dự kiến hoạt động đã có những công ty TNHH, cổ phần khác đã và đang hoạt động tốt; do đó, nếu họ cũng lựa chọn loại hình công ty TNHH hoặc cổ phần thì việc cạnh tranh với các công ty kia khó khăn hơn.



BẢNG 12 - Tổng hợp so sánh ưu, nhược điểm từng loại hình doanh nghiệp

	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH 1 TV	Công ty TNHH 2 TV trở lên	Công ty cổ phần
<i>Quyền kinh doanh</i>	Bị hạn chế kinh doanh trong một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Bị hạn chế kinh doanh trong một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Không	Không	Không	Không
Thành lập						
<i>Đối tượng được quyền thành lập</i>	- Cá nhân	- Cá nhân	- Cá nhân (đối với thành viên hợp danh); không hạn chế (đối với thành viên góp vốn) - Tối thiểu hai (2) thành viên hợp danh	- Cá nhân, tổ chức	- Cá nhân, tổ chức - Tối thiểu hai (2) thành viên; tối đa là 50	- Cá nhân, tổ chức - Tối thiểu ba (3) cổ đông
<i>Góp vốn</i>	Không phải	Không phải	Chuyển quyền sở	- Chuyển quyền sở	- Phải chuyển	- Phải chuyển



	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH 1 TV	Công ty TNHH 2 TV	Công ty cổ phần
	chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn	chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn	hữu tài sản góp vốn	hữu tài sản góp vốn - Góp theo lộ trình	quyền sở hữu tài sản góp vốn - Góp theo lộ trình	quyền sở hữu tài sản mua cổ phần - Cổ đông sáng lập phải mua ít nhất 20% tổng số cổ phần
Hồ sơ, trình tự, thủ	- Đăng ký tại quận, huyện	- Đăng ký tại phòng ĐKKD	- Đăng ký tại phòng ĐKKD - Lập hồ sơ ĐKKD	- Đăng ký tại phòng ĐKKD - Lập hồ sơ ĐKKD	- Đăng ký tại phòng ĐKKD - Lập hồ sơ ĐKKD	- Đăng ký tại phòng ĐKKD - Lập hồ sơ ĐKKD
Tổ chức quản lý	Chủ hộ	Chủ doanh nghiệp	Thành viên hợp danh	Chủ tịch công ty hoặc HDTV	Hội đồng thành viên, giám đốc	ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị, giám đốc
Trách nhiệm nhà đầu tư	Vô hạn	Vô hạn	Vô hạn (đối với thành viên hợp danh) Hữu hạn (đối với thành viên góp vốn)	Hữu hạn	Hữu hạn	Hữu hạn



	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH 1 TV	Công ty TNHH 2 TV trở lên	Công ty cổ phần
Rút vốn/ Chuyển nhượng vốn	Không	Không, trừ bán doanh nghiệp	Hạn chế đối với thành viên hợp danh - Tự do đối với thành viên góp vốn	Tự do	Hạn chế	Tự do, trừ hạn chế đối với cổ đông sáng lập
Huy động vốn	Hạn chế, chủ yếu là vay mượn	Hạn chế, chủ yếu là vay mượn	Đa dạng hơn: vay hoặc huy động từ các thành viên, kể cả kết nạp thêm	Đa dạng hơn: vay hoặc huy động thêm từ kết nạp thành viên mới	Đa dạng hơn: vay, huy động thêm từ các thành viên, kể cả kết nạp thêm	Rất đa dạng, kể cả việc phát hành cổ phần qua thị trường chứng khoán
Nghĩa vụ thuế	- Thuế môn bài & thuế thu nhập doanh nghiệp - Có thể khoán thuế	- Thuế môn bài & Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế theo kê khai	- Thuế môn bài & thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế theo kê khai	- Thuế môn bài & thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế theo kê khai	- Thuế môn bài & thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế theo kê khai	- Thuế môn bài & thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế theo kê khai



	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH 1 TV	Công ty TNHH 2 TV	Công ty cổ phần
						- Thuế thu nhập cá nhân đánh vào cổ tức
Chuyển đổi hình thức doanh nghiệp	Không	Chuyển thành công ty TNHH 1 TV	Không	Chuyển thành công ty TNHH > 2 TV và/hoặc công ty cổ phần	Chuyển thành công ty cổ phần hoặc công ty TNHH 1 TV	Chuyển thành công ty TNHH
Thời hạn hoạt động	Kết thúc khi chủ hộ chết hoặc rút lui khỏi kinh doanh	Chủ doanh nghiệp chết hoặc rút lui khỏi hoạt động kinh doanh	Thành viên hợp danh chết hoặc rút lui khỏi hoạt động kinh doanh	Không ảnh hưởng gì khi thành viên chết, phá sản	Không ảnh hưởng khi thành viên chết hoặc phá sản	Không ảnh hưởng khi thành viên chết, phá sản



gtz

Văn phòng GTZ Hà Nội

Tầng 6, Hanoi Towers

49 Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 934 4951

Fax: (84-4) 934 4950

E-Mail: gtz-vietnam@gtz.de

office.sme@gtz-vietnam.com.vn

Website: www.gtz.de/vietnam

www.sme-gtz.org.vn

www.sme.com.vn

CIEM

Viện Quản lý Kinh tế Trung ương

68 Phan Đình Phùng, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 843 7461

Fax: (84-4) 845 6795

Email: president@ciem.org.vn

Website: www.ciem.org.vn